

DIỆN MẠO NÔNG THÔN VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1930 - 1940 VÀ KHÁT VỌNG CẢI CÁCH THÔN QUÊ CỦA NHÓM TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

NGÔ VĂN PHONG

Tóm tắt

Nông thôn là đề tài không mới lạ nhưng để khắc họa được một bức tranh quê với đủ các diện mạo, màu sắc không phải là công việc đơn giản. Tuy nhiên, các tác phẩm báo chí của nhóm Tự lực văn đoàn đăng tải trên Phong hóa - Ngày nay giai đoạn 1932 - 1940 đã làm được điều đó. Đọc những tác phẩm của họ, có thể nhận diện được bức tranh nông thôn Việt Nam khá toàn diện, vừa ngọt ngào dưới chế độ thực dân hà khắc, vừa bó chặt trong những tập tục phong kiến nặng nề, vừa oằn lưng gánh chịu sự thất thường của thiên nhiên. Tự lực văn đoàn mô tả bức tranh quê nhằm gửi gắm ý tưởng cải cách thôn quê của mình.

Từ khóa: Văn hóa nông thôn, nông thôn Việt Nam, cải cách, Phong hóa, Ngày nay

Abstract

Countryside is not a new theme but to depict a picture of the countryside with full aspects and colors is not a simple work. However, the writings of the "Tu luc van doan" group published on Phong Hoa - Today in the period from 1932 to 1940 have done so. Reading their works, it is possible to identify a picture of Vietnamese rural quite comprehensive. It is not only suffocating under the harsh colonial regime but also tight in heavy feudal and burgeoning the irregular nature. "Tu luc van doan" group described the countryside painting in order to convey the idea of rural reform.

Keywords: Rural culture, Vietnamese rural, reform, Phong hoa, Today

Dẫn nhập

Phong hóa và Ngày nay là hai tuần báo xuất hiện ở Hà Nội từ năm 1932 tới năm 1940, dưới chế độ Bảo hộ do Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) làm chủ bút cùng một nhóm anh em, bạn hữu gồm có Khái Hưng, Trần Khánh Giu, Tú Mỡ, Hồ Trọng Hiếu, Tú Ly, Nguyễn Tường Long, Thạch Lam, Nguyễn Tường Lân, tạo thành một ban biên tập. Chỉ tồn tại trong 8 năm (1932 - 1940) với 414 số báo nhưng những tư tưởng và giá trị của các tác phẩm báo chí được đăng tải trong thời gian này đã có đóng góp quan trọng trong

sự nghiệp canh tân đất nước tại thời điểm đó. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, những bài học kinh nghiệm mà việc nghiên cứu báo Phong hóa - Ngày nay đem lại vẫn có giá trị rất lớn đối với những người làm báo, nhất là những nhà báo, phóng viên chuyên viết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đặc biệt là tuyên truyền về chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

Tinh thần cải cách thôn quê là ý chí, là lý tưởng của cả nhóm Tự lực văn đoàn chứ không riêng một ai, được tập trung vào một số nội dung sau:

1. Nâng cao dân trí, đả kích những hủ tục, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan;

2. Thiết lập, tạo dựng ngôi nhà Ánh sáng với tiêu chuẩn cao ráo, thoáng mát, nhiều ánh sáng, hợp vệ sinh, hài hòa với thiên nhiên;

3. Xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như “trại nghỉ mát” cho dân quê, nhà sinh hoạt chung cho xóm, sân vận động, đường sá, giếng nước, tổ chức phát thuốc... ;

4. Rèn luyện cho người dân quê có khát vọng không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, hướng về văn minh, hiện đại, sống hòa hợp với thiên nhiên, gìn giữ lòng tốt, tính thiện bản nguyên trong con người.

1. Phong tục truyền thống đậm bản sắc làng quê Việt

Nếp sinh hoạt văn hóa, những phong tục truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung và nông thôn Việt Nam vào những năm 30 của thế kỷ XX nói riêng được Trần Trọng Lang và Việt Sinh thể hiện khá sinh động trong phóng sự dài kỳ *Trong làng chạy và Ngày nay với hội hè*. Mặc dù nhìn ở góc độ những hủ tục, nhưng người đọc vẫn thấy hình ảnh quá đỗi quen thuộc, bao tập tục lạ lùng đến nỗi cười ra nước mắt. Kiến thức lịch sử văn hóa và sự am hiểu đến chân tơ kẽ tóc phong tục, đời sống tinh thần và tâm linh người nông dân Việt Nam hiện rõ trên từng trang viết. Sau mỗi trang viết ấy, người ta nhận ra phần nào gốc gác, vốn sống, tính cách của chính tác giả.

Tục thờ cúng dân gian: Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới, thời tiết diễn biến thất thường. Người dân Việt Nam lại chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước. Trình độ hiểu biết về khoa học còn thấp nên con người có tâm lý phụ thuộc, ý thức tôn sùng và thái độ hòa hợp với thiên nhiên, không chỉ phụ thuộc vào một hai hiện tượng riêng lẻ mà cùng lúc họ phụ thuộc vào tất cả: trời, đất, nắng, mưa... Đối với họ, đây là những lực lượng siêu nhiên chứa một sức mạnh huyền bí, có khả năng chi phối đời sống sinh hoạt hàng ngày của con người. Tục thờ cúng - một hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Việt xưa đã

được thể hiện rõ nét trong tác phẩm báo chí của Tự lực văn đoàn.

Phong tục cúng lễ trong ngày tết cổ truyền của dân tộc ta là một nghi thức quan trọng nhất với bất kỳ ai, bất kỳ tộc người nào trên đất Việt. Tuy nhiên, bằng việc đi thực tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong ngày tết, qua cách quan sát tinh tế, nhà báo đã mô tả lại cách đón tết rất riêng, có phần “hiện đại” của đồng bào dân tộc: “Những người Thổ ăn Tết cũng như người Kinh, nhưng cách họ ăn Tết có khác ta. Ngày đầu năm họ rất quý, nhưng họ không thiên về sự ăn mặc, trang hoàng nhà cửa như ta. Mà họ có muốn trang hoàng nhà cửa cho rực rỡ đi nữa, họ cũng không thể được, vì họ ăn ở giản - dị lắm” (1). Dân tộc Thổ thường dùng những ngày Tết để cùng nhau đi chơi, thăm nhà nhau, cùng nhau thưởng thức vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng. “Họ không ưa đốt pháo và không có lối mừng tuổi văn hoa như người Kinh. Trái lại, mấy ngày Tết là mấy ngày họ nghỉ hết các việc để cùng nhau đi chơi, để thưởng thức cảnh trời đất đẹp chốn núi cao rừng cả” (1).

Qua những bài viết này, thấy rất rõ một điều, những người làm báo Phong hóa - Ngày nay rất say nghề. Họ sẵn sàng hy sinh ngày tết đoàn viên gia đình, đi tới những vùng xa xôi hẻo lánh để tìm kiếm thông tin mới lạ, độc đáo, đem về cho công chúng món ăn tinh thần đặc sắc. Đây chính là một bài học kinh nghiệm nghề nghiệp bổ ích cho những người làm báo sau này.

Lễ hội dân gian: Theo thống kê, hàng năm, cả nước ta ít nhất cũng diễn ra hàng trăm ngàn lễ hội lớn nhỏ. Đặc biệt vào dịp xuân, lễ hội hầu như được tổ chức khắp mọi nơi. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa xã hội của một tập thể, một địa phương hay của nhân dân trong cả nước. Chính vì vậy, những phong tục tập quán, những lễ nghi truyền thống của cha ông ta đã trở thành đề tài nóng hổi, là mảnh đất màu mỡ để Thế Lữ, Việt Sinh, Tường Bách... sáng tạo những tác phẩm báo chí của mình. Đây cũng là một trong những cách để thực hiện chủ trương cải cách thôn quê của nhóm Tự lực văn đoàn.

Khá nhiều tác phẩm báo chí về tập quán lễ hội của Việt Nam, như: *Trên đồi Lim* (phóng sự của Tường Bách, số 4 Ngày Nay), *Hội hè đình đám* của Nhất Chi Mai, *Lạng Sơn ngày hội* của Tường Bách, *Ngày nay với hội hè* của Việt Sinh, *Hội làng Hạ Lô* của Tường Bách,... Mỗi tác phẩm về một lễ hội được xem như là một chi tiết tạo nên một bức tranh toàn cảnh của văn hóa lễ hội của dân tộc ta. Những tác phẩm này cũng chính là dấu ấn những chuyến đi khắp mọi miền tổ quốc của nhà báo để đem về những “đứa con tinh thần” vô cùng hấp dẫn, rất thu hút độc giả của Phong hóa – Ngày nay.

Ta thấy, dưới ngòi bút tỉ mỉ và tràn trề cảm xúc của Tường Bách, hội Lim trong tác phẩm phóng sự *Trên đồi Lim* hiện lên với đầy đủ “lai lịch”, không khí nhộn nhịp, tưng bừng đầy màu sắc và vẻ hấp dẫn riêng nhờ “vẻ đẹp thôn quê”, vừa kiêu sa, vừa thùy mị, mang đậm vẻ đẹp thô sơ như bản tính vốn có của người dân quê của các cô gái chít khăn mỏ quạ: “Những cô gái Lim là cái đặc sắc của lễ hội, khiến cho hội Lim có tính cách riêng không giống một hội nào cả. Người ta chen chúc nhau, xô lấn nhau vì các cô. Chỗ nào thấy bóng một cô khăn mỏ quạ, với khuôn mặt xinh xinh là họ kéo tới tấp đến như đàn bướm bên đóa hoa.” (11) “Và đối với tôi, ngày hội Lim còn là ngày cái vẻ đẹp kín đáo ngây thơ thảng cái đẹp lộng lẫy, kiêu căng, là ngày thảng trợn của những cô gái quê thùy mị” (11).

Nhìn chung, các tác phẩm báo chí của nhóm Tự lực văn đoàn đã ghi lại thật tỉ mỉ, chính xác những phong tục tập quán, những truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Đọc các tác phẩm của họ, chúng ta thấy nào cờ, nào lọng, nào trang phục buổi lễ, nào âm thanh kèn, trống ... như đang hiện trước mắt từ gần đến xa, từ trên xuống dưới. Tuy không tận mắt chứng kiến nhưng qua những trang viết của Tường Bách, Nhất Chi Mai, Việt Sinh..., người đọc vẫn có thể hình dung được về một trong những hình thức sinh hoạt nghi lễ dân gian khi xưa của làng quê Bắc Bộ - một vùng đồng bằng giàu truyền thống về thờ cúng các lực lượng siêu nhiên.

2. Diện mạo nông thôn Việt Nam

Cảnh vật nông thôn Bắc Bộ trong các phóng sự *Gà chọi* (4), *Một cái chợ giữa nơi thị thành* (12), *Buôn người* (13) *Trên đồi Lim* (2), *Ăn cướp* (6), *Đánh cá Hồ Tây* (14),... chỉ hiện lên thoáng, mờ nhạt nhưng cũng đủ để phác họa một bức tranh nông thôn Việt Nam thời Pháp thuộc khá tiêu điều, bị kim hãm phát triển bởi bao tập tục. “Văn biết thôn quê bày cho ta cảnh tiêu điều là vì phần nhiều người nhà quê nghèo nàn thật, văn biết trong đời họ *phẳng lý cũng như cánh đồng*, bao nhiêu ý nghĩ đều tụ tập vào cả chốn đình chung, làng xóm, phe giáp, đến ngôi thứ ăn uống, văn biết thật ra phải có một phong trào khích liệt lắm mới có thể làm biến một ông Lý Toét ra một ông nhà quê văn minh được... Hủ lậu vì cách làm ăn của ta chẳng cải cách chút nào. Nghề nông xứ ta thật ra - dù người làm ruộng có chịu khó đến thế nào cũng chỉ là nghề nông của một nước bán khai và ta chưa biết sáp nhập được nhiều công nghệ mới vào kinh tế để cung đủ việc làm trong suốt năm cho mọi người” (16).

Trong một vài tác phẩm, các tác giả Tự Lực văn đoàn cũng đã cố gắng đan cài vẻ đẹp hoang sơ yên bình của thành phố vào bức tranh quê không mấy bình yên, làm cho người đọc bớt cảm giác nặng nề, u uất. Tuy nhiên, thành phố Lạng Sơn vào những năm 30 của thế kỷ 20 dù đã có sự hiện diện của văn minh nhân loại nhưng vẫn phẳng phất vẻ cô độc, ngọt ngào và bức bối “Thành phố Lạng Sơn im lìm ngủ say dưới ánh điện lờ mờ. Tỉnh thoảng vài cái xe buông mui kín mít chạy thoáng qua trên những phố tối, dài, lấp loáng dưới mưa bay” (2).

Có thể nhận thấy rất rõ về một nông thôn Bắc Bộ vừa ngọt ngào bởi cuộc sống lầm than của người dân mất nước, vừa quặn quại chịu đựng sự khắc nghiệt của thời tiết. Có khi là cái nắng gay gắt, như thiêu đốt của mùa hè, có khi là giá lạnh buốt xương, những cảnh phong vũ bất tình: “Gió bắc, những luồng chớp, những tiếng sét vỡ trời”, “Những ngày mưa gió rét mướt, trên mặt hồ nổ sóng bạc đầu, cùng chung một nỗi lo sợ trước những sự hiểm nguy” (14).

Nếu như các nhà văn lãng mạn chủ nghĩa thường phản ánh sai lệch, hoặc thi vị hóa cuộc sống nông thôn với thế giới của những đêm trăng, những ngày hội, những cô thôn nữ xinh đẹp, ngây thơ, những mối tình đậm đà, chất phác... thì trong các tác phẩm báo chí của mình, các tác giả của nhóm Tự lực văn đoàn đã phản ánh một cách chân thực như vốn có: "Những người phong lưu trông các mùa qua con mắt thản nhiên, không những thế họ coi như sự thay đổi cần phải có, vì đối với họ trời cứ nóng hay lạnh mãi thì còn gì thú vị nữa. Vì họ chỉ biết đến cái lạnh thoáng qua trên các tòa nhà, tường dày kính cửa, chứ chưa từng biết đến cái lạnh căm căm buốt đến tận xương trong những gian nhà tranh lụp xụp, trống hờ tứ tung và chốc chốc lại rung động theo làn gió. Mà các cô thiếu nữ xinh tươi nơi thành thị, các cô có rõ đầu nổi khổ của những cô gái quê cao vác, mờ sáng đã phải đi tát nước hay cấy lúa dưới những cơn gió bắc thổi vù vù trên ruộng đầy nước" (3).

Bức tranh nông thôn Bắc Bộ hiện lên không mấy sạch sẽ vì lạc hậu, đói nghèo. "Trong nhà thôn quê An Nam ta cái gian nào sáng sủa, phong quang, người mình để dành riêng cho người đã chết. Người đang sống phải chọn riêng cho mình những cái xó tối tăm nhất để nghỉ ngơi sau những ngày công việc nặng nhọc, còn linh hồn những người đã chết, trong lúc ấy ngang nhiên chiếm giữ lấy cả một gian giữa cao ráo, vui vẻ. Không biết cái linh hồn ấy có đến chiếm thật không, người ta chỉ thấy cái bàn thờ, cái bát hương, mấy cây dùi gỗ bụi bảm mờ" (5).

Có thể thấy, bút pháp "tả chân" trong tác phẩm báo chí trên Phong hóa - Ngày nay đã chấm phá được phần nào bức tranh quê ở đồng bằng Bắc Bộ thời đó: tù túng, lạc hậu, nghèo đói, bản thủ và luôn nơm nớp sợ hãi sự khắc nghiệt của thiên nhiên. Bức tranh "cũ nát" này đã tác động rất lớn đến những người làm báo ở Phong hóa - Ngày nay và đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc hình thành ý tưởng "cải cách thôn quê" của Tự lực văn đoàn.

3. Khát vọng cải cách thôn quê

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 - 1939) do Đảng Cộng sản Đông Dương công khai lãnh đạo, tư tưởng lãng mạn không còn ưu thế trên văn đàn công khai nữa. Nó không phù hợp với thực tế xã hội dân chủ, với quần chúng lao động đấu tranh, với tâm lý độc giả ít nhiều đổi thay. Mặc dù nó vẫn còn ít nhiều độc giả tư sản và tiểu tư sản thành thị, do đó những tác phẩm văn học có tư tưởng lãng mạn vẫn kế tiếp nhau ra đời.

Tuy nhiên, cho khỏi lạc lõng, các tác phẩm văn học của Tự lực văn đoàn đã hạn chế rất nhiều tư tưởng lãng mạn, buộc phải thay đổi theo hướng bình dân, chạy theo phong trào bình dân, gương thích nghi với hoàn cảnh mới để dễ tồn tại. Tự Lực Văn Đoàn dù muốn "tự lực" đến đâu thì cũng vẫn chịu sức tác động của Mặt trận dân chủ. Họ phải khuôn theo sự chuyển hướng trong công chúng. Trên Phong hóa, Ngày Nay đã bổ sung thêm mục "*Bùn lầy nước đọng*" chuyên viết về dân quê... cũng là vì mục đích này.

Năm 1939, Hoàng Đạo, tác giả cuốn "*Con đường sang*", công bố "10 điều tâm niệm" bàn về đạo làm người: Con người phải hoàn toàn theo mới, tin ở sự tiến bộ, sống theo một lý tưởng và làm việc xã hội. Các tác phẩm báo chí đăng tải trên Ngày nay của Tự Lực Văn Đoàn trong thời kỳ này, muốn tỏ ra nặng khuynh hướng xã hội, quan tâm nhiều hơn đến bình dân.

Xuất phát từ tôn chỉ mục đích, khát vọng cải cách thôn quê của nhóm Tự lực văn đoàn được thể hiện ngay ở việc biên tập chuyên trang, chuyên mục của Phong hóa - Ngày nay. Tại số 14 ra ngày 22/9/1932, (số đầu tiên sau khi Nguyễn Tường Tam chính thức là chủ tờ báo Phong hóa) đã có ngay bài *Biết dân quê* trên trang nhất, đến số 15 lại có bài *Sầu thảm nhiều rồi* trên trang nhất cũng bàn về vấn đề dân quê. Vị trí này về cơ bản được giữ nguyên trong suốt những năm tồn tại của báo Phong hóa, thậm chí, có thời điểm nó trở thành chuyên mục về giáo dục dân quê.

Chuyên mục *Giáo dục thôn quê* với rất nhiều tác phẩm bình luận sâu sắc, lý giải những nguyên nhân của sự đói nghèo, lạc hậu, những hủ tục đồi bại... để từ đó họ mạnh dạn đưa ra những giải pháp để cải thiện tình hình. Tuy nhiên, những giải pháp đó hiệu quả đến đâu, có tính ứng dụng không thì chưa bàn tới, mà ở đây chỉ coi đó là những ý tưởng mang tính chất khai phá để từ đó tạo đà cho sự phát triển sau này.

Ở tác phẩm bình luận *Hư danh*, sau khi phân tích những ví dụ cụ thể về việc con người nói chung và người thôn quê nói riêng đều thích hư danh, Nhị Linh khẳng định: đó là cái thật phù phiếm. Nhưng đáng buồn ở chỗ chỉ vì cái hư danh đó mà đã làm cho đất nước ta ngày một khánh kiệt, đời sống của nhân dân ta ngày càng lâm than. Trên cơ sở đó, Nhị Linh đã đưa ra những giải pháp mà ít nhiều cũng thể hiện sự hợp lý: “Nếu thay cái mới lễ nghi cũ rích nó phân đẳng cấp sằng, nó sượng láo lên rằng “một miếng giữa làng bằng một sàng dưới bếp” nay có những điều lễ mới đem ra thi hành trong chốn thôn quê thì sự hám hư danh sẽ bị tiêu diệt ngay” (7).

Cũng để giải quyết vấn đề này, Nhất Linh cũng đưa ra giải pháp: “Một là, bọn học thức phải nhận thức theo quan niệm của dân quê mà hành động, hai là, phải nghĩ cách dạy cho dân quê có cái quan niệm như mình đã rồi mới bắt đầu cải cách, làm việc. Đổi cái quan niệm về cuộc đời của một hạng người là khó, nhưng có làm được thì một cuộc cải cách trong đám dân quê mới được dễ dàng” (10).

“Muốn cải cách thôn quê thì trước tiên phải nâng cao dân trí, tức là phải khơi thông trí não cho người dân quê thì mới mong thực hiện thành công công cuộc cải cách được. “Hay dân quê tự cứu lấy dân quê? Không bao giờ có thể như thế được. Bao giờ dân quê cũng chỉ là một sức thụ động. Nếu không ai khai thông trí não họ, nếu không có việc gì kinh thiên động địa kích thích họ thì mấy trăm, mấy nghìn năm nữa họ cũng hủ bại, gàn dở như ngày nay, có khi lại bị trụy lạc hay tuyệt vong” (4).

Trong xã hội phong kiến thực dân, nhân dân ta một cổ hai tròng, nạn sưu cao thuế nặng cùng với chính sách ngu dân của thực dân đế quốc... đã biến người dân ta trở nên chai lì, “ngu dốt”. Bằng những lập luận sắc bén, cách ví von hài hước, tác giả Nhị Linh đã lột tả một bức tranh với đầy đủ các góc cạnh của vấn đề tri thức thôn quê: “Sự sống eo hẹp, khó khăn của dân quê ta nguyên nhân phần lớn ở chỗ vô học. Ta thường có câu “Ngu dốt như bò”. Song đem so với súc vật khác, con bò không ngu. Vì nếu ngu thì sao nó lại biết cày ruộng, biết quay lại khi người ta kêu “vật”, biết dừng lại khi người ta kêu “họ”, biết tìm chỗ cỏ tươi mà ăn.” (8)

Với Nhị Linh, bản chất người dân quê không dốt, không ngu, mà ngược lại còn có tố chất thông minh, hoạt bát. Và cái tầng lớp trí thức kia cũng xuất phát từ dân quê mà ra: “Cũng như con bò, anh em không ngu, anh em có tính chất thông minh hoạt bát. Bọn học giả cũng ở đám anh em mà ra. Song, anh em không ngu mà anh em vẫn dốt. Anh em dốt là vì anh em không có học. Vậy anh em muốn không mang tiếng ngu dốt thì chẳng cần là ông thánh cũng biết rằng: anh em phải học.” (8). Rõ ràng, học là con đường duy nhất giúp dân ta thoát nghèo, bài học này ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, học như thế nào, giáo dục ra sao mới là vấn đề phải bàn. Tại sao thời phong kiến cũng có trường lớp, thời Pháp thuộc lại càng nhiều trường hơn nhưng dân ta vẫn vô học, đó mới là vấn đề đặt ra trong việc nâng cao tri thức cho dân quê: “Phải, vẫn có, tôi biết. Ngày xưa các ông đồ nho ai ai cũng có thể mở trường, các em tha hồ cắp sách đi học, học phí chẳng là bao hay không mất đồng nào. Ngày nay tuy sự mở trường tư ở thôn quê không quá tự do như xưa, nhưng đã có trường công... Song có trường mà họ dạy cái gì? Ngày xưa thì họ dạy e a mấy chữ thiên gời địa đất. Rồi khi đến tuổi mười hai, mười ba thì lại bận đi chăn trâu, cắt cỏ mà cái học vẫn đành dừng lại ở chỗ ký tên chỉ dùng đến khi đi vay công vay nợ hay khi đi làm phu làm phen phải có cái tên ở tờ giấy giao kèo. Ngày nay cũng chẳng

hơn gì, cũng chỉ bập bẹ được mấy tiếng lami là bạn, la vache là con bò cái..." (9). Với tác giả thì học như thế không phải là học, giáo dục như thế thì không phải là giáo dục. Chính vì thế, ngày nay phải khác: "Ngày nay là đời cá nhân, mỗi người là một người dân, phải tự trông vào sức mình mà sống, phải có đủ tư cách mà sống trong cái đời mới này" (9). Để giải quyết triệt để vấn đề giáo dục cho dân quê, Nhị Linh đã đưa ra hai giải pháp: "Tổ chức hương chính cho có trật tự, chi tiền cho việc mở mang trường học và trả lương thầy giáo. Song cần nhất vẫn là bọn trí thức phải biết trở về cày ruộng, sau này ở xen lẫn với dân quê, tham dự vào hương chính, mà đem những kiến văn, những học vấn giúp vào sự mở mang dân trí" (9).

Thông qua việc học, vấn đề mở mang tri thức cho dân quê mới được khai thông, đó là cái gốc để cải cách những vấn đề khác như trang phục, văn hóa, những hủ tục lạc hậu và cả vấn đề luật pháp. Nếu như không có học thì người dân quê đâu có biết đến những ủy khúc của pháp luật, đâu biết đến trọng tội, khinh tội: "Họ tuyệt nhiên không biết đến những ủy khúc của pháp luật, không biết rõ những điều gì, sự gì không cấm đoán, không hiểu thế nào là trọng tội, khinh tội... động đến việc mà phải ra đến quan thầy đều sợ hãi như phạm vào tội giết người" (11). Với Tứ Ly, tình cảnh đó khác gì tình cảnh "một người lừa cưới ngựa mù nửa đêm đi ra chỗ ao sâu" (11).

Còn rất nhiều tác phẩm thể hiện khát vọng cải cách thôn quê của các tác giả trong nhóm Tự lực văn đoàn: *Một bản chương trình dự định* (số 60, Phong hóa), *Tự trọng* (số 68, Phong hóa), *Vấn đề dân sinh đường xá* của Nhất Linh (số 46, Phong hóa), *Dân quê muốn gì* (số 48, 49, Phong hóa), *Nhà cửa thôn quê* (số 97, Phong hóa) của Nhất Linh, *Quần áo mới* (số 1, Ngày nay) của Việt Sinh, *La Khê dệt lụa* (số 1, Ngày nay) của Minh Trúc ...

Có thể thấy, khát vọng cải cách thôn quê đã trở thành nỗi niềm, tâm huyết chảy trong huyết quản của hầu hết các thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. Tuy nhiên, khi bàn về cách khắc phục thì các tác giả lại đưa ra những giải pháp rất chung chung, thiếu thực tế. Đây

cũng chính là những nguyên nhân mà không ít quan điểm cho rằng, tư tưởng cải cách thôn quê của Tự lực văn đoàn mang tính ảo tưởng.

N.V.P

(Ths, Khoa Viết văn, Báo chí,
Trường ĐHVH HN)

Tài liệu tham khảo

1. Tường Bách (1935), *Người Thổ ăn tết*, báo Ngày nay, số 2.
2. Tường Bách (1935), *Trên đồi Lim*, báo Ngày nay, số 4.
3. Tường Bách (1935), *Gió bắc lạnh lùng*, báo Ngày nay, số 1.
4. Nguyễn Thượng Hiền (1934), *Dân quê*, báo Phong hóa, số 99.
5. Trọng Lang, *Gà chọi*, báo Phong hóa số 152.
6. Thế Lữ, *Ấn cướp*, Ngày nay, số 6.
7. Nhị Linh (1933), *Hư danh*, báo Phong hóa, số 62.
8. Nhị Linh (1934), *Các trình độ học thức*, Nhị Linh, Phong hóa, số 58.
9. Nhị Linh (1934), *Quay về vườn ruộng*, báo Phong hóa, số 59.
10. Nhất Linh (1933), *Dân quê muốn gì*, báo Phong hóa, số 48.
11. Tứ Ly (1934), *Dân quê và luật*, báo Phong hóa, số 91.
12. Nhất Chi Mai, *Một cái chợ giữa nơi thị thành*, Phong hóa, số 1.
13. Nhất Chi Mai, *Buôn người*, Phong hóa, số 2.
14. Việt Sinh (1935), *Đánh cá Hồ Tây*, báo Ngày nay, số 5.
15. Việt Sinh (1935), *Nhà cửa An Nam*, báo Ngày nay, số 4.
16. Minh Trúc (1935), *Dân quê*, báo Ngày nay, số 4.

Ngày nhận bài: 3 - 5 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 21 - 6 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 30 - 6 - 2017